



PHỤ LỤC
GIAO BIÊN CHẾ KHỐI CHÍNH QUYỀN NĂM 2026

(kèm theo Quyết định số 903-QĐ/TU, ngày 07/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Địa phương, cơ quan, đơn vị	Giao biên chế năm 2026		
		Tổng số	Cán bộ, công chức	Viên chức (hưởng lương từ ngân sách)
	TỔNG SỐ	33,629	4,593	29,036
I	Cấp tỉnh	8,079	1,761	6,318
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	136	101	35
2	Sở Nội vụ	161	96	65
3	Sở Tài chính	145	126	19
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	978	618	360
5	Sở Khoa học và Công nghệ	143	64	79
6	Sở Xây dựng	99	99	
7	Sở Công Thương	142	122	20
8	Sở Tư pháp	101	48	53
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	316	53	263
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	3860	59	3801
11	Sở Y tế	1107	89	1018
12	Thanh tra tỉnh	166	166	
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	32	32	
14	Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân tỉnh	53	53	
15	Ban Quản lý Khu kinh tế	35	35	
16	Trường Đại học Bạc Liêu	170	0	170
17	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	45	0	45
18	Trường Cao đẳng Cà Mau	273	0	273
	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu	66	0	66
	Trường Cao đẳng cộng đồng Cà Mau	87	0	87
	Trường CĐ nghề Việt Nam - Hàn Quốc	78	0	78
	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	42	0	42
19	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	51	0	51
20	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	54	0	54
21	BQL Khu Nông nghiệp UDCNC phát triển tôm Bạc Liêu	12	0	12
II	Cấp xã	25,550	2,832	22,718
1	Phường An Xuyên	774	64	710
2	Phường Tân Thành	901	64	837
3	Phường Bạc Liêu	885	64	821

TT	Địa phương, cơ quan, đơn vị	Giao biên chế năm 2026		
		Tổng số	Cán bộ, công chức	Viên chức (hưởng lương từ ngân sách)
4	Phường Giá Rai	697	50	647
5	Phường Lý Văn Lâm	377	50	327
6	Phường Hòa Thành	401	49	352
7	Phường Hiệp Thành	296	49	247
8	Phường Vĩnh Trạch	294	49	245
9	Phường Láng Tròn	394	43	351
10	Xã Sông Đốc	506	51	455
11	Xã Năm Căn	420	50	370
12	Xã Hòa Bình	539	50	489
13	Xã Trần Văn Thời	590	50	540
14	Xã Gành Hào	272	47	225
15	Xã Cái Nước	523	47	476
16	Xã Thới Bình	460	47	413
17	Xã Phước Long	467	47	420
18	Xã Hồng Dân	568	47	521
19	Xã Vĩnh Lợi	304	47	257
20	Xã Cái Đôi Vàm	385	47	338
21	Xã Đầm Dơi	484	47	437
22	Xã Phan Ngọc Hiển	356	46	310
23	Xã Nguyễn Phích	433	46	387
24	Xã Vĩnh Hậu	429	47	382
25	Xã Lương Thế Trân	676	47	629
26	Xã Trí Phải	462	45	417
27	Xã Đá Bạc	542	44	498
28	Xã Khánh Lâm	338	44	294
29	Xã Phong Thạnh	454	44	410
30	Xã Long Điền	444	44	400
31	Xã Đất Mũi	240	43	197
32	Xã Tân Thuận	253	42	211
33	Xã Vĩnh Mỹ	415	44	371
34	Xã Châu Thới	406	44	362
35	Xã Tân Hưng	418	40	378
36	Xã Hưng Mỹ	368	40	328
37	Xã Tân Tiến	300	40	260
38	Xã Tạ An Khương	320	40	280
39	Xã Trần Phán	302	40	262
40	Xã Quách Phẩm	300	40	260
41	Xã Tân Ân	235	40	195

TT	Địa phương, cơ quan, đơn vị	Giao biên chế năm 2026		
		Tổng số	Cán bộ, công chức	Viên chức (hưởng lương từ ngân sách)
42	Xã Phú Tân	338	40	298
43	Xã Nguyễn Việt Khái	374	40	334
44	Xã Tân Lộc	328	40	288
45	Xã Hồ Thị Kỷ	331	40	291
46	Xã Biên Bạch	349	40	309
47	Xã Khánh Bình	410	40	370
48	Xã Khánh Hưng	341	40	301
49	Xã U Minh	355	40	315
50	Xã Ninh Quới	342	40	302
51	Xã An Trạch	244	40	204
52	Xã Định Thành	355	40	315
53	Xã Đông Hải	339	40	299
54	Xã Vĩnh Phước	412	40	372
55	Xã Vĩnh Thanh	399	40	359
56	Xã Phong Hiệp	270	40	230
57	Xã Hưng Hội	332	40	292
58	Xã Thanh Tùng	301	39	262
59	Xã Đất Mới	273	39	234
60	Xã Tam Giang	228	39	189
61	Xã Phú Mỹ	239	39	200
62	Xã Khánh An	253	39	214
63	Xã Ninh Thạnh Lợi	236	39	197
64	Xã Vĩnh Lộc	273	39	234